Dưới đây là mô tả tóm tắt các bảng trong **SQL master** (gửi team để nắm nhanh cấu trúc & nghiệp vụ). Bản này đã bỏ Reviews; chỉ còn Feedbacks chung cho guest/user; thêm Messages (Contact form).

**Bảng lõi (tham chiếu)**

**1) users**  
Quản lý tài khoản.  
Trường chính: id (PK), full\_name, email [UQ], password\_hash, phone, role('user'|'admin'), is\_active, created\_at.  
Dùng cho: đăng ký/đăng nhập, gắn chủ sở hữu booking, gắn người tạo feedback (nếu đã đăng nhập).

**2) zones**  
Danh mục khu: park, water.  
Trường: id (PK), code('park'|'water') [UQ], name, description.  
Dùng cho: tham chiếu bởi attractions, restaurants, tickets.

**3) attractions**  
Trò chơi/điểm tham quan theo zone.  
Trường: id (PK), zone\_id (FK→zones.id), name, description, image\_url, is\_active.

**4) restaurants**  
Nhà hàng theo zone.  
Trường: id (PK), zone\_id (FK), name, description, image\_url, is\_active.

**5) gallery**  
Ảnh công khai.  
Trường: id (PK), title, description, image\_url, created\_at.

**Vé & giá**

**6) tickets**  
Định nghĩa sản phẩm vé & giá theo zone.  
Trường: id (PK), zone\_id (FK), weekday\_price, weekend\_price, description, is\_active.  
Ghi chú: giá hiển thị/tính tiền lấy từ đây tại thời điểm đặt.

**Đơn đặt & thanh toán**

**7) bookings**  
Đơn đặt vé (gộp orders/bookings; hỗ trợ guest).  
Trường:

* Nhận diện: id (PK), booking\_code [UQ], idempotency\_key [UQ].
* Chủ đơn: user\_id (FK→users.id, NULL nếu guest), guest\_token (UUID cho tra cứu).
* Thông tin khách: guest\_name, guest\_email, guest\_phone.
* Nghiệp vụ: visit\_date, subtotal, discount\_total, grand\_total, currency, status('PENDING'|'PAID'|'CANCELLED'|'FAILED'), payment\_method.
* Thời gian: created\_at, updated\_at.  
  Index quan trọng: user\_id, guest\_token, visit\_date.

**8) bookingdetails**  
Dòng chi tiết của một booking.  
Trường: id (PK), booking\_id (FK→bookings.id), ticket\_id (FK→tickets.id), using\_date, quantity, unit\_price, discount\_rate%, line\_total, ticket\_code.  
Ghi chú: unit\_price được “đóng băng” theo ngày khi tạo đơn; ticket\_code phát hành sau khi thanh toán thành công.

**9) payments**  
Giao dịch thanh toán (mock/thật).  
Trường: id (PK), booking\_id (FK), amount, provider, paid\_at, status('INIT'|'SUCCESS'|'FAIL'), created\_at.  
Nghiệp vụ: khi SUCCESS → cập nhật bookings.status='PAID', phát hành ticket\_code cho từng dòng.

**Phản hồi & liên hệ**

**10) feedbacks**  
Phản hồi hiển thị trên site (moderation đơn giản).  
Trường: id (PK), name, email, message, rating(1..5), status('pending'|'approved'|'rejected'), created\_by (FK→users.id, NULL nếu guest), created\_at.  
Ghi chú: một admin duy nhất duyệt; **không** còn approved\_by/approved\_at.

**11) messages**  
Hộp thư “Contact Us” (form trong ảnh, đã bỏ “Your Project”).  
Trường: id (PK), name, email, phone, subject, message, created\_at.  
Dùng cho: lưu câu hỏi/liên hệ; có thể gửi email thông báo nội bộ.

**Quan hệ chính (1 dòng/quan hệ)**

* zones.id ← attractions.zone\_id, restaurants.zone\_id, tickets.zone\_id
* users.id ← bookings.user\_id, feedbacks.created\_by
* bookings.id ← bookingdetails.booking\_id, payments.booking\_id
* tickets.id ← bookingdetails.ticket\_id

**Lưu ý triển khai nhanh**

* Đã Seed sẵn zones (park, water) và tickets (10/12 USD như spec).
* Guest: tra cứu đơn bằng guest\_token + booking\_code + email.
* Giảm đoàn 10% áp ở FE/BE → lưu vào discount\_rate/discount\_total.
* Tạo booking\_code và ticket\_code theo rule team đã chốt (YYMMDD-SEQ).